

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 10 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Hiệp

2. Ông Triệu Đức Tươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Đinh Nho D, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm B, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D kết hôn với nhau năm 2000, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu, tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Ngày 10/3/2000 chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, thành phố T.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D nghiện ma túy, thường xuyên mang đồ đạc, tài sản trong gia đình đi bán. Đến cuối năm 2005

thì anh D bị kết án 08 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành xong bản án, anh D không quay về chung sống với chị mà trở về gia đình bố mẹ để sinh sống. Vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Nho D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh D đã có một con chung là cháu Đinh Hoài P, sinh ngày 26/6/2005, hiện cháu P đã trưởng thành và đang ở với bà nội, nên khi vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc giao con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Nho D: Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập nhiều lần, nhưng anh D vắng mặt, không đến Tòa án để trình bày ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải để các đương sự về đoàn tụ với nhau hoặc thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh D vắng mặt, các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy cần đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện và nguyện vọng của các bên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Nho D. Về con chung: Chị H đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Đinh Hoài P cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Đối với người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đinh Nho D đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Phạm Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Đinh Nho D.

2. Giao con chung là cháu Đinh Hoài P, sinh ngày 26/6/2005 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến con đủ 18 tuổi. Anh Đinh Nho D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đinh Nho D.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu toà án giải quyết, nên không xem xét. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo nội dung đơn khởi kiện chị Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Đinh Nho D, sinh năm 1977, nơi cư trú: Xóm B, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” - Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2]. *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai, Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H có mặt, Bị đơn anh Đinh Nho D vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D kết hôn với nhau ngày 10/3/2000, việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường T, thành phố T. Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D là hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ.

[2.2]. *Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:*

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng kết hôn với nhau được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D nghiện ma túy, không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung. Sau khi anh D đi chấp án phạt tù, trở về địa phương các bên đều không tìm ra được P pháp và tiếng nói chung để khắc phục tình trạng hôn nhân trên, vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Đinh Nho D là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D có 01 con chung là cháu Đinh Hoài P, sinh ngày 26/6/2005. Quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu toà án giao cháu P cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, anh D là người nghiện ma túy và không có mặt tại toà án để trình bày ý kiến quan điểm về việc ly hôn và chăm sóc con chung, nên không có cơ sở để xem xét. Do vậy, HĐXX thấy rằng cần giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con với anh Đinh Nho D.

[2.4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị Thu H và anh Đinh Nho D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3]. *Về án phí và chi phí tố tụng khác*: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H về việc yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Đinh Nho D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Hoài P, sinh ngày 26/6/2005 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến con đủ 18 tuổi. Anh Đinh Nho D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đinh Nho D.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai số 0000998 ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn (chị Phạm Thị Thu H) có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh Đinh Nho D) vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND phường TL;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cần